

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đường C, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Ung Minh T**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đường N, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Đường C, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 đều thừa nhận quan hệ sống chung giữa bà T và ông T1 không phải là quan hệ vợ chồng.

2.2. Về con chung: Do chị Ung Ngọc H (nữ, sinh ngày 19/3/1992) đã trưởng thành và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung:

2.3.1. Bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 đều thừa nhận trong thời gian chung sống bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 có tạo lập được tài sản chung là: Căn nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất có diện tích 62m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại Đường C, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 350004, sổ vào sổ cấp GCN: CH00861 được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 07/02/2013 cho bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 (bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 350004 hiện nay bà T đang giữ). Căn nhà và diện tích đất này hiện nay do ông Ung Minh T1 đang quản lý, sử dụng.

* Phần đất có số đo và vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp mương thoát nước có số đo: 4,51m + 4,68m.

+ Hướng tây giáp hẻm số 23 có số đo: 9,40m.

+ Hướng nam giáp mương thoát nước có số đo: 0,43m + 5,60m (hành lang hẻm giới 0,43m).

+ Hướng bắc giáp căn nhà số M đường Mạc Đường C, khóm F, phường G, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng có số đo: 6,90m + 0,50m (hành lang hẻm giới 0,50m).

Diện tích 62m², loại đất ODT.

* Và căn nhà gắn liền có kết cấu nền gạch men, khung cột bê tông cốt thép, vách tường 10, đỡ mái gỗ, mái tol.

Diện tích cạnh ngang trước 9,4m, ngang sau 9,19m, dài 6,03m và dài 7,4m.

Tổng diện tích 62m².

+ Trần la phong nhựa, diện tích 62m².

+ Mái che 1: Kết cấu nền xi măng, đỡ mái sắt, mái tol. Diện tích: 1,4m x 5m = 7m².

+ Mái che 2: Kết cấu nền gạch men, đỡ mái sắt, mái tol. Diện tích: 1,4m x 4,4m = 6,16m².

+ Hàng rào: Kết cấu hàng rào song sắt, khung lưới kẽm B40, diện tích cao 1,8m x dài 5,3m = 9,54m².

2.3.2. Bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung nêu trên như sau: Ông Ung Minh T1 nhận hiện vật là căn nhà và diện tích đất nêu trên. Bà Trần Thị Kim T nhận giá trị cụ thể như sau:

Đến ngày 27/4/2018 ông Ung Minh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim T số tiền 165.000.000 đồng. Bà Trần Thị Kim T được nhận và sở hữu số tiền 165.000.000 đồng (do ông Ung Minh T1 thôi trả). Bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 350004, số vào sổ cấp GCN: CH00861 (được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 07/02/2013 cho bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1) lại cho ông Ung Minh T1, việc giao tiền và giấy được thực hiện cùng thời điểm. Địa điểm giao tiền, giao giấy tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng (số 147 đường Nguyễn Văn Linh, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

Ông Ung Minh T1 được nhận căn nhà gắn liền với diện tích đất nêu trên.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Ung Minh T1 còn phải trả lãi cho bà Trần Thị Kim T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Ung Minh T1 tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T đồng ý chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí phân chia tài sản là 4.125.000 đồng, tổng cộng là 4.275.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tổng cộng là 3.425.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008464 (số tiền 300.000 đồng) và theo biên lai số 0008465 (số tiền 3.125.000 đồng) cùng ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án

dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Trần Thị Kim T còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 850.000 đồng.

Ông Ung Minh T1 đồng ý chịu án phí phân chia tài sản là: 976.009 đồng.

2.5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.200.000 đồng bà Trần Thị Kim T đồng ý chịu. Số tiền này bà Trần Thị Kim T tạm ứng trước nên bà T đã nộp đủ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP P;
- Chi cục THADS TP P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền